

Bài 3: Các kiểu số trong Python

Mục lục:

1. Kiểu số nguyên
 2. Kiểu số thực
 3. Kiểu số phức
 4. Nội dung tiếp theo
-

➤ Kiểu số nguyên:

Bao gồm các giá trị số nguyên âm, dương, không chứa phần thập phân, độ dài tùy ý. Để kiểm tra kiểu của biến hoặc đối tượng trong Python ta dùng hàm **type(tên_biến)** :

```
>>> a = 100
>>> b = -101
>>> c = 0
>>> print(type(a))
<class 'int'>
>>> print(type(b))
<class 'int'>
>>> print(type(c))
<class 'int'>
```

Một ví dụ khác: ta gán một giá trị số nguyên có độ dài tùy ý cho một biến:

```
>>> longIntegerValue = 1233456879955525552566696
>>> print( longIntegerValue )
1233456879955525552566696

>>> print( type ( longIntegerValue ) )
<class 'int'>
```

➤ Kiểu số thực:

Là số có phần thập phân, âm hoặc dương:

```

>>> value1 = 1.23
>>> value2 = -3.15875
>>> value3 = 0.25
>>> print(type(value1))
<class 'float'>
>>> print(type(value2))
<class 'float'>
>>> print(type(value3))
<class 'float'>

```

Số thực cũng có thể được biểu diễn dưới dạng 10^x . Giá trị trong ví dụ dưới đây biểu diễn thay cho $1.25 \cdot 10^7$:

```

>>> anotherFloatValue = 1.25e7
>>> print(anotherFloatValue)
12500000.0
>>> print(type(anotherFloatValue))
<class 'float'>

```

➤ *Kiểu số phức:*

Kiểu này có phần thực và phần ảo. với phần ảo, ta dùng kí tự “j” lấp vào đít để biểu diễn. Xem ví dụ sau để rõ hơn:

```

>>> x = 9 - 5j
>>> y = -36j
>>> z = 27j
>>>
>>> print( type(x) )
<class 'complex'>
>>> print( type( y ) )
<class 'complex'>
>>> print( type( z ) )
<class 'complex'>

```

➤ *Nội dung tiếp theo: String trong Python*

